

Số: *45/11*/QĐ-BNN-BVTV

Hà Nội, ngày 01 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng biện pháp sinh học
trong phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa, giai đoạn 2017-2020”**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 02/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13 ngày 25/11/2013;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Đề án Đẩy mạnh ứng dụng biện pháp sinh học trong phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa, giai đoạn 2017-2020 (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau:

I. QUẢN ĐIỂM

- Thống nhất chỉ đạo, điều hành thực hiện nghiên cứu và chuyển giao để thúc đẩy ứng dụng biện pháp sinh học phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa ở các tỉnh trồng dừa trên cả nước.

- Đầu tư kinh phí, tổ chức nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kìm quy mô lớn và quy mô nông hộ, thả ra vườn dừa để chủ động phòng trừ bọ cánh cứng.

- Chỉ đạo sản xuất dừa bền vững; xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân cải tạo các diện tích dừa già cỗi, bị sâu bệnh hại nặng không còn cho năng suất, chất lượng cao.

- Các cấp chính quyền có trách nhiệm tăng cường năng lực cho hệ thống ngành bảo vệ thực vật thông qua đào tạo nguồn lực, tăng cường cơ sở vật chất, có chính sách khuyến khích sản xuất và ứng dụng biện pháp sinh học.

- Đẩy mạnh ứng dụng biện pháp sinh học phòng trừ bộ cánh cứng hại dừa cần phải phát huy mọi nguồn lực của các cấp chính quyền, các thành phần kinh tế và sự hỗ trợ của nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Thúc đẩy ứng dụng biện pháp sinh học trên diện rộng nhằm ngăn chặn hiệu quả bộ cánh cứng hại dừa đang lây lan, gây hại nặng, bảo vệ sản xuất dừa an toàn và bền vững.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2020, trên 50% số xã trồng dừa trọng điểm có đội ngũ nông dân nông cốt có hiểu biết, kỹ năng và ứng dụng hiệu quả biện pháp sinh học.

b) Đến năm 2020 xây dựng được ít nhất 10 cơ sở nhân nuôi ong ký sinh quy mô lớn để phóng thích ra vườn dừa phục vụ phòng trừ bộ cánh cứng hại dừa trong cộng đồng; ít nhất 200 cơ sở nhân nuôi bộ đuôi kim quy mô nông hộ phục vụ phòng trừ bộ cánh cứng hại dừa.

c) Đến năm 2020 có trên 50% diện tích dừa ứng dụng biện pháp sinh học (trong đó 100% diện tích nhiễm bộ cánh cứng hại dừa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung và đồng bằng sông Cửu Long), trên 70% số hộ nông dân sản xuất dừa ở vùng trọng điểm hiểu biết và có thể áp dụng được biện pháp sinh học.

II. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Thời gian, phạm vi

a) Thời gian: năm 2017-2020

- Năm 2017: Tổ chức đào tạo, tập huấn đội ngũ giảng viên TOT ở tỉnh, huyện và lực lượng nông dân nông cốt ở các xã trọng điểm.

- Năm 2018: Xây dựng các cơ sở nhân nuôi và mô hình nhân nuôi ong ký sinh, bộ đuôi kim thả ra vườn dừa.

- Năm 2019-2020: Duy trì, phát triển các cơ sở nhân nuôi và thả ra đồng ruộng; Tổ chức thông tin tuyên truyền ứng dụng biện pháp sinh học phòng trừ bộ cánh cứng hại dừa ở các địa phương trồng dừa sản xuất trên toàn quốc.

b) Phạm vi:

Nhân nuôi, thả ong ký sinh và bộ đuôi kim được triển khai thực hiện tại 15 tỉnh gồm: Thanh Hóa, Phú Yên, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau.

2. Địa điểm: các xã trồng dừa trọng điểm ở các tỉnh Thanh Hóa, Phú Yên, Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hòa, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre, Kiên Giang, Hậu Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu và Cà Mau.

3. Đối tượng: Hệ thống ngành bảo vệ thực vật; các tổ chức, cá nhân nghiên cứu nhân nuôi tác nhân sinh học và tổ chức, cá nhân sản xuất dừa.

III. CÁC ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HƯỞNG LỢI

1. Người sản xuất dừa

- Được nâng cao kiến thức và kỹ năng về quản lý dịch hại tổng hợp và sử dụng biện pháp sinh học, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập.

- Được bảo vệ sức khỏe, giảm mối nguy do giảm tiếp xúc với thuốc BVTV, môi trường sống được cải thiện.

2. Cơ quan quản lý

Nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước của hệ thống ngành BVTV về quản lý dịch hại cộng đồng; thuận lợi cho việc hướng dẫn, chỉ đạo quản lý dịch hại tổng hợp trên quy mô lớn góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất dừa an toàn, bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu.

IV. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ

1. Phát triển nguồn nhân lực ứng dụng biện pháp sinh học

a) Các nhiệm vụ

- Đào tạo đội ngũ giảng viên cấp tỉnh, cấp huyện thông qua việc tổ chức khóa đào tạo giảng viên cho cán bộ kỹ thuật; tổ chức lớp tập huấn nhân nuôi, thả ong ký sinh và bọ đuôi kim cho nông dân.

- Đào tạo, bồi dưỡng nông dân nông cốt ở xã, thôn thông qua việc đào tạo tại các lớp học hiện trường (trực tiếp nhân nuôi, thả); tạo điều kiện để lực lượng này phát huy vai trò tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ cộng đồng áp dụng biện pháp sinh học.

- Nâng cao kiến thức ứng dụng biện pháp sinh học cho nhân viên bảo vệ thực vật xã, khuyến nông viên cơ sở và đội ngũ nông dân nông cốt; bồi dưỡng kỹ năng tuyên truyền, hướng dẫn nông dân nhân nuôi, thả ong ký sinh và bọ đuôi kim trên vườn dừa.

b) Thời gian thực hiện: năm 2017-2020.

2. Xây dựng cơ sở nhân nuôi tác nhân sinh học

a) Các nhiệm vụ

- Xây dựng các cơ sở nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kim quy mô lớn ở từng địa phương để cung cấp nguồn và số lượng lớn ong ký sinh, bọ đuôi kim thả ra vườn dừa.

- Xây dựng các cơ sở nhân nuôi quy mô vừa và nhỏ (nhóm hộ, nhóm nông hộ) để chủ động thả trên vườn dừa.

b) Thời gian thực hiện: từ năm 2018 - 2020.

3. Xây dựng và nhân rộng mô hình quản lý bọ cánh cứng hại dừa bằng biện pháp sinh học

a) Các nhiệm vụ

- Xây dựng mô hình phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa bằng biện pháp sinh học tại các huyện, xã trồng dừa trọng điểm.

- Nhân rộng mô hình bằng hình thức nhà nước và nhân dân cùng làm; UBND tỉnh xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân nhân nuôi thiên địch để phòng trừ bọ cánh cứng.

- Áp dụng phương pháp “nông dân huấn luyện nông dân” cùng ứng dụng biện pháp sinh học để thâm canh dừa bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tuyên truyền kết quả mô hình tới cộng đồng thôn, xã thông qua việc tổ chức hội nghị đầu bờ, thông tin qua hệ thống truyền thanh xã, lồng ghép trong nội dung sinh hoạt của các tổ chức đoàn thể, câu lạc bộ, diễn đàn ...

b) Thời gian thực hiện: từ năm 2018 – 2020.

4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức của người sản xuất và cộng đồng về biện pháp sinh học

a) Các nhiệm vụ

- Tuyên truyền, vận động cộng đồng áp dụng biện pháp sinh học phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa trên cơ sở phối kết hợp với các tổ chức đoàn thể (phụ nữ, nông dân, thanh niên,...), các cơ quan thông tin đại chúng.

- Phổ biến rộng rãi tới người sản xuất qua hệ thống thông tin đại chúng về ý nghĩa, các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật sử dụng biện pháp sinh học.

- Soạn thảo và phát hành tờ rơi, tài liệu kỹ thuật hướng dẫn phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa bằng biện pháp sinh học.

b) Thời gian thực hiện: 2018 – 2020.

V. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Về khoa học công nghệ

- Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng các tác nhân sinh học phòng trừ bọ cánh cứng hại dừa và các biện pháp phi hóa học khác.

- Khuyến khích nghiên cứu phương pháp nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kìm quy mô lớn.

- Đánh giá thực trạng và đề xuất các quy trình, tiến bộ kỹ thuật về ứng dụng biện pháp sinh học phù hợp từng vùng, miền hoặc địa phương.

- Hiện đại hóa hệ thống điều tra phát hiện, dự tính dự báo, giám sát bộ cánh cứng hại dừa để chủ động phòng trừ bằng biện pháp sinh học.

2. Về huy động và phát triển nguồn lực

- Phối hợp giữa các ngành, các đoàn thể ở địa phương trong việc thực hiện đề án.

- Phát động phong trào ứng dụng biện pháp sinh học rộng khắp trên các vùng trồng dừa cả nước.

- Phối hợp, lồng ghép thực hiện Đề án với các chương trình, Đề án khác như Chương trình “Xây dựng cánh đồng lớn”; Chương trình mục tiêu quốc gia về “Xây dựng nông thôn mới”; Đề án giảm thiểu phát thải khí nhà kính trong nông nghiệp, nông thôn; Đề án đẩy mạnh ứng dụng quản lý dịch hại tổng hợp (IPM); chương trình đào tạo nghề cho nông dân theo quyết định 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009. Trên cơ sở các đề án ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch chi tiết để thực hiện.

- Cùng cố và hoàn thiện đội ngũ nông dân nông cốt ở thôn, bản hiểu biết về biện pháp sinh học, giúp đỡ, tư vấn cho người sản xuất trong cộng đồng áp dụng biện pháp sinh học và các tiến bộ kỹ thuật khác.

- Nâng cao năng lực cho cán bộ kỹ thuật, quản lý cấp huyện, cấp xã trong tổ chức, thực hiện các hoạt động ứng dụng biện pháp sinh học.

3. Về cơ chế, chính sách

- Hỗ trợ xây dựng, biên soạn tài liệu huấn luyện, tập huấn.

- Hỗ trợ hoạt động nông dân huấn luyện nông dân; nông dân nông cốt thực hiện các thực nghiệm đồng ruộng, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phổ biến, hướng dẫn nông dân khác áp dụng.

- Hỗ trợ thực hiện các mô hình ứng dụng biện pháp sinh học trên diện rộng ở các thôn, xã.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng và duy trì đội ngũ nông dân nông cốt ứng dụng biện pháp sinh học ở các xã.

- Khuyến khích, hỗ trợ, đặt hàng các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất hàng loạt và cung ứng sản phẩm sinh học, lý học thay thế hóa chất, đồng thời hỗ trợ để nông dân sử dụng rộng rãi.

Nguồn kinh phí thực hiện theo các chính sách đã ban hành như: Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông; Nghị định 41/2010/NĐ-CP ngày 12/04/2010 về chính sách tín dụng phục vụ phát triển

nông nghiệp, nông thôn; Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Quyết định 62/2013/QĐ-TTg về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn; chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ và Quyết định số 971/QĐ-TTg Ngày 01/7/2015 về việc Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng chính phủ; Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Thông tư 15/2013/TT-BNNPTNT thực hiện Nghị định 02/2010/NĐ-CP khuyến nông; Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Thông tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ yêu cầu thực tiễn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Bộ, Ngành trình cấp có thẩm quyền ban hành một số chính sách mới để Đề án đạt mục tiêu đề ra.

4. Về hợp tác quốc tế

- Mở rộng quan hệ với các nước, nhất là các nước trong khu vực ASEAN để thúc đẩy ứng dụng biện pháp sinh học.

- Tranh thủ sự ủng hộ, hợp tác của các tổ chức quốc tế như Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp thế giới (FAO), các tổ chức phi chính phủ, các Hiệp hội để thúc đẩy sản xuất, thương mại và ứng dụng biện pháp sinh học.

5. Về thông tin, tuyên truyền

- Kết hợp với hệ thống thông tin đại chúng để đẩy nhanh công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn biện pháp sinh học đến người sản xuất.

- Tổ chức cho cán bộ, nông dân tham quan, học tập các mô hình ứng dụng biện pháp sinh học, các cơ sở nhân nuôi ong ký sinh, bọ đuôi kim.

- Tạo cơ hội cho nông dân gặp gỡ, trao đổi chia sẻ kinh nghiệm, giới thiệu hiệu quả của mô hình đến các thôn, xã khác thông qua các hình thức tổ chức triển lãm, diễn đàn, hội thảo, tổng kết để tham vấn rộng rãi về chính sách, chia sẻ thông tin và kinh nghiệm.

VI. NGUỒN KINH PHÍ

1. Nguồn kinh phí trung ương

Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế được bố trí hàng năm phục vụ đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật cấp tỉnh và nông dân nông cốt; xây dựng cơ sở nhân nuôi ong ký sinh, bộ đôi kim quy mô lớn và duy trì hoạt động trong thời gian thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá hiệu quả của Đề án tổ chức thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trên toàn quốc.

Giao Cục Bảo vệ thực vật xây dựng nội dung, kế hoạch và dự toán kinh phí chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trình Bộ phê duyệt và triển khai thực hiện.

2. Nguồn kinh phí địa phương

Căn cứ vào diện tích trồng dưa và tình hình bộ cánh cứng hại dưa ở từng địa phương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch, trình UBND bố trí nguồn kinh phí đảm bảo thực hiện đáp ứng yêu cầu các nội dung của Đề án: đào tạo, tập huấn cho cán bộ kỹ thuật cấp huyện, xã và nông dân; xây dựng, phát triển cơ sở nhân nuôi ong ký sinh, bộ đôi kim quy mô lớn, quy mô nông hộ và duy trì hoạt động các cơ sở nhân nuôi sau thời gian thực hiện Đề án; tổ chức đánh giá hiệu quả của Đề án tại địa phương; tổ chức thông tin tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng trên địa bàn tỉnh để nhân rộng mô hình.

3. Nguồn kinh phí khác

Thông qua hợp tác quốc tế tranh thủ sự hỗ trợ khoa học công nghệ, chuyên gia, tài chính từ các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội, tổ chức và cá nhân khác; thực hiện phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Cục Bảo vệ thực vật: Là cơ quan thường trực giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện Đề án; chủ trì thực hiện các chương trình ưu tiên trong Đề án; đề xuất chính sách triển khai thực hiện Đề án; xây dựng các quy trình kỹ thuật nhân nuôi, thả ong ký sinh, bộ đôi kim và các biện pháp khác; định kỳ tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả triển khai thực hiện và đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn nhằm đạt được mục tiêu của Đề án.

b) Các đơn vị thuộc Bộ: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với Cục Bảo vệ thực vật triển khai thực hiện các nội dung của Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố

Căn cứ tình hình thực tế về tầm quan trọng của cây dừa và mức độ hại của bọ cánh cứng hại dừa để tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện các nội dung của Đề án tại địa phương; đề xuất cơ chế, chính sách triển khai thực hiện Đề án trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Cục Bảo vệ thực vật để tổng hợp, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan thuộc Bộ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố có tên trong Đề án chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ NN & PTNT;
- Sở NN&PTNT các tỉnh, thành phố;
- Website Bộ NN&PTNT;
- Lưu VT, BVTV. 60



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh